|  |  |
| --- | --- |
|  SỞ DG & ĐT QUẢNG NAM **TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN** *(Đề thi có \_\_02\_ trang)* | **I KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2024 - 2025 MÔN: ĐỊA LÍ 10**  *Thời gian làm bài: 45 (không kể thời gian phát đề)* |
|  Họ và tên: ............................................................Lớp: 10/… | Số báo danh: ......... |  |

 **ĐỀ: 102**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN ( 3 ĐIỂM )**

**Câu 1.** Đô thị hóa là một quá trình

**A.** tích cực nếu gắn liền với nông nghiệp. **B.** tiêu cực nếu gắn liền với công nghiệp.

**C.** tích cực nếu gắn liền với công nghiệp hóa. **D.** tiêu cực nếu quy mô các thành phố quá lớn.

**Câu 2:** Cơ cấu ngành kinh tế gồm các bộ phận nào sau đây?

**A.** Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và khu vực trong nước.

**B.** Nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

**C.** Nông - lâm - ngư nghiệp, khu vực ở trong nước và dịch vụ.

**D.** Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và khu vực ngoài nước.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm của ngành thủy sản?

**A.** Sản xuất ít phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên. **B.** Công nghệ còn lạc hậu nhất trong nông nghiệp.

**C.** Sản xuất đa dạng do không phụ thuộc mùa vụ. **D.** Gồm hoạt động: khai thác, chế biến và nuôi trồng.

**Câu 4:** Hình thức nào là hình thức cao nhất của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp?

**A.** Trang trại. **B.** Vùng nông nghiệp. **C.** Hợp tác xã. **D.** Nông trường quốc doanh.

**Câu 5:** Nhân tố nào sau đây giúp ngành công nghiệp phân bố ngày càng hợp lí hơn?

**A.** Dân cư và nguồn lao động. **B.** Thị trường tiêu thụ.

**C.** Sự phân bố kháng sản. **D.** Tiến bộ khoa học kĩ thuật.

**Câu 6:** Không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp là đặc điểm của

**A.** điểm công nghiệp. **B.** khu công nghiệp. **C.** trung tâm công nghiệp. **D.** vùng công nghiệp.

**Câu 7:** Các quốc gia (khu vực) phát triển mạnh năng lượng tái tạo là

**A.** Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Á. **B.** Hoa Kì, Trung Quốc, Nam Á.

**C.** Hoa kì, Nhật Bản, Châu Âu. **D.** Châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản.

**Câu 8:** Sự phân bố các ngành dịch vụ tiêu dùng gắn bó mật thiết với phân bố

**A.** công nghiệp. **B.** nông nghiệp. **C.** dân cư. **D.** giao thông.

**Câu 9:** Sản xuất công nghiệp khác biệt với sản xuất nông nghiệp ở

**A.** tính chất tập trung cao độ. **B.** bao gồm có nhiều ngành.

**C.** sự phụ thuộc vào tự nhiên. **D.** sự phân tán về không gian.

**Câu 10:** Nhân tố nào sau đây làm đòn bẩy cho sự phát triển công nghiệp?

**A.** điều kiện tự nhiên. **B.** vốn và thị trường. **C.** dân cư, lao động. **D.** cơ sở hạ tầng.

**Câu 11:** Đối tượng của giao thông vận tải là

**A.** chỉ có thể chuyên chở người từ nơi này đến nơi khác.

**B.** những tuyến đường giao thông ở trong và ngoài nước.

**C.** các đầu mối giao thông đường bộ, hàng không, sông.

**D.** con người và sản phẩm vật chất do con người tạo ra.

**Câu 12:** Ưu điểm của ngành vận tải đường sắt là

**A.** tiện lợi, cơ động và có khả năng thích nghi với các điều kiện địa hình.

**B.** rẻ, thích hợp với hàng nặng, cồng kềnh; không yêu cầu chuyển nhanh.

**C.** trẻ, tốc độ cao, đóng vai trò đặc biệt trong vận tải hành khách quốc tế.

**D.** vận tải được hàng nặng trên đường xa với tốc độ nhanh, ổn định, giá rẻ.

**PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI ( 2 ĐIỂM )**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu: SẢN LƯỢNG THAN, DẦU KHÍ, ĐIỆN THẾ GIỚI NĂM 1990 VÀ 2020

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Than** *(tỉ tấn)* | **Dầu khí** *(tỉ tấn)* | **Điện** *(tỉ kWh)* |
| 1990 | 4,7 | 3,1 | 11890 |
| 2020 | 7,7 | 4,1 | 25865 |

**a)** Sản lượng than, dầu và điện của thế giới đều tăng từ 1990 đến 2020.

**b)** Sản lượng than có tốc độ tăng nhanh nhất. **c)** Sản lượng dầu khí có tốc độ tăng chậm nhất.

**d)** Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sản lượng than, dầu khí và điện của thế giới năm 1990 và 2020.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Dịch vụ là kết quả của quá trình lao động nhằm thỏa mãn các nhu cầu sản xuất và đời sống của con người nên có cơ cấu ngành đa dạng và phức tạp. Việc phân chia các ngành dịch vụ hiện nay dựa vào các hoạt động dịch vụ diễn ra trong thực tế với ba nhóm: dịch vụ kinh doanh, dịch vụ tiêu dùng và dịch vụ công.

**a)** Dịch vụ là kết quả của quá trình lao động chỉ nhằm thỏa mãn các nhu cầu đời sống con người.

**b)** Do dịch vụ không tồn tại dưới dạng vật chất nên cơ cấu ngành dịch vụ không đa dạng và phức tạp như công nghiệp.

**c)** Dịch vụ tiêu dùng phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của con người như ăn uống, đi lại, học tập,...

**d)** Ở các nước đang phát triển thường có ngành dịch vụ kém hơn các nước phát triển.

**PHẦN III: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN ( 2 ĐIỂM )**

**Câu 1.** Biết trữ lượng than của toàn thế giới là 1069,7 tỉ tấn, trữ lượng than của châu Á là 329,9 tỉ tấn. Tính tỉ trọng trữ lượng than của châu Á so với toàn thế giới. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

 SẢN LƯỢNG DẦU MỎ CỦA THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 1990 – 2020 *(Đơn vị: triệu tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1990** | **2000** | **2010** | **2020** |
| Sản lượng dầu mỏ | 3157,9 | 3598,3 | 3978,6 | 4165,1 |

*(Nguồn: https://www.gso.gov.vn/)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ của thế giới năm 2020 so với năm 2000 (coi sản lượng năm 2000 = 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN HÀNG HÓA TRUNG BÌNH

CỦA ĐƯỜNG Ô TÔ Ở VIỆT NAM NĂM 2020

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương tiện vận tải** | **Khối lượng vận chuyển** *(triệu tấn)* | **Khối lương luân chuyển** *(triệu tấn.km)* |
| Đường ô tô | 1 307,9 | 75 162,9 |

 *(Nguồn: https://www.gso.gov.vn/)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính cự li vận chuyển trung bình của đường ô tô nước ta năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km)

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**SỐ LƯỢT KHÁCH NƯỚC NGOÀI ĐẾN VIỆT NAM PHÂN THEO PHƯƠNG TIỆN**

 **NĂM 2022** *(Đơn vị: Nghìn lượt người)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Năm** | **2022** |
| Đường hàng không | 3277,2 |
| Đường thuỷ | 3,1 |
| Đường bộ | 380,9 |
| **Tổng số** | **3661,2** |

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ số khách đến Việt Nam bằng đường hàng không trong năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

 PHẦN IV : TỰ LUẬN ( 3 ĐIỂM )

 Câu 1: Trình độ phát triển kinh tế có tác động như thế nào tới phát triển ngành dịch vụ. **( 2 điểm )**

 Câu 2: Tại sao phần lớn các hải cảng lớn trên thế giới lại phân bố chủ yếu ở hai bờ Đại Tây Dương ?

 **( 1 điểm )**

***……………………………………………………..HẾT*…………………………………………………**